

Ia Pa, ngày 04 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Nội dung đã trình Thường trực HĐND huyện giữa hai kỳ họp HĐND (Kỳ họp thứ Mười hai đến kỳ họp thứ Mười lăm)

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Khóa V, kỳ họp thứ Chín về phê chuẩn Dự toán thu, chi ngân sách địa phương; Phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023, Giữa hai kỳ họp (từ kỳ họp thứ Mười hai đến kỳ họp thứ Mười lăm) UBND huyện Ia Pa đã trình Thường trực HĐND huyện 2 đợt điều chỉnh dự toán, cụ thể như sau:

I. UBND huyện đã trình Thường trực HĐND huyện xem xét, quyết định nội dung điều chỉnh tăng, giảm dự toán ngân sách năm 2023 (lần 1) theo quy định tại khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, cụ thể:

1. Điều chỉnh dự toán chưa phân bổ đầu năm, số tiền 1.800 triệu đồng

- Giảm chi sự nghiệp môi trường khác: 630 triệu đồng.

Lý do giảm: Đầu năm dự kiến bố trí khắc phục xử lý ngập úng tại Thôn Đoàn Kết, xã Ia Mron nhưng tại thời điểm đầu năm chưa đủ cơ sở phân bổ. Trong năm đã có cơ sở phân bổ cho xã Ia Mron nên đề nghị điều chỉnh giảm chi ở lĩnh vực Sự nghiệp Môi trường cấp huyện để bổ sung cho xã Ia Mron theo quy định.

- Giảm dự toán chi sự nghiệp kiến thiết thị chính: 1.170 triệu đồng.

Lý do giảm: Trong năm chưa có danh mục sự nghiệp kiến thiết thị chính phù hợp nên Phòng Tài chính - KH đề nghị điều chỉnh bố trí cho các công trình cần thiết thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế.

- Tăng dự toán cho Phòng Nông nghiệp và PTNT để thực hiện sửa chữa kênh mương nội đồng tại các trạm bơm điện: 1.170 triệu đồng, gồm:

+ Sửa chữa kênh Trạm bơm điện Kim Tân 1: 570 triệu đồng.

+ Sửa chữa kênh Trạm bơm điện Đăk Pờ Tó: 600 triệu đồng.

+ Lý do lựa chọn 2 công trình trên vì:

Qua kiểm tra hệ thống 15 trạm bơm điện và kênh mương nội đồng Ayun Hạ do địa phương quản lý, có nhiều tuyến kênh hiện đã xuống cấp cần duy tu sửa chữa để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, xét thấy việc sửa chữa kênh nội đồng trạm bơm điện Kim Tân 1, xã Kim Tân và sửa chữa kênh nội đồng trạm bơm điện Đăk Pờ Tó, xã Pờ Tó là rất cần

thiết và cấp bách. Vì nếu không được sửa chữa kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước tưới cho khoảng 80 ha lúa 2 vụ ngay trong vụ Đông xuân 2023-2024.

- Tăng dự toán cho Ủy ban nhân dân xã Ia Mron để thực hiện sửa chữa Cầu sắt và Đường BTXM nội thôn Đoàn kết (Đoạn từ Nhà Ông Quang đi qua cầu sắt đến nhà ông Hường): 630 triệu đồng.

2. Điều chỉnh dự toán đã phân bổ cho các đơn vị và UBND các xã đầu năm, tổng số tiền: 507,239 triệu đồng

- Điều chỉnh dự toán chi đã phân bổ giữa các đơn vị dự toán cấp huyện: 456, 239 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh giảm: Một số nhiệm vụ cấp dự đầu năm và một số nhiệm vụ đã thực hiện xong số còn lại không sử dụng điều chỉnh sang nhiệm vụ cần thiết khác theo quy định.

- Điều chỉnh giữa UBND các xã: 51 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh giảm: Chuyển nhiệm vụ, do xã Ia Broãi không còn Tổ ATGT mà chuyển qua thành lập Tổ ATGT ở xã Ia Trok theo văn bản số 592/UBND-KTHT ngày 04/05/2022 của UBND huyện Ia Pa về việc điều chuyển Tổ ATGT từ xã Ia Broãi qua xã Ia Trok.

Nội dung trên đã được Thường trực HĐND huyện thống nhất tại Công văn số 175/HĐND-VP ngày 11/09/2023.

II. UBND huyện đã trình Thường trực HĐND huyện xem xét, quyết định nội dung điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023 (lần 2) theo quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 3 Điều 52 và Khoản 1 Điều 59 Luật Ngân sách¹, một số nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên đã phân bổ cho các đơn vị và UBND các xã đầu năm, tổng số tiền: 3.536,838 triệu đồng, Trong đó:

- Điều chỉnh giảm chi của các đơn vị dự toán cấp huyện: 814,597 triệu đồng.

¹ Điều 52. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

Điều 59. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 52 của Luật này.

Lý do điều chỉnh giảm: Tăng giảm quỹ lương đầu năm do biên chế thay đổi; giảm một số nhiệm vụ của các đơn vị kinh phí còn dư sau khi đã thực hiện xong nhiệm vụ.

- Điều chỉnh giảm chi của các đơn vị trường học: 2.722,241 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh giảm: Tăng giảm quỹ lương đầu năm do biên chế thay đổi.

(Chi tiết nội dung, đơn vị theo Biểu số 01 gửi kèm)

2. Bổ sung tăng dự toán chi thường xuyên năm 2023 cho các đơn vị và UBND các xã, tổng số tiền: 1.536.838 triệu đồng, cụ thể:

(Chi tiết nội dung, đơn vị theo Biểu số 01 gửi kèm)

3. Điều chỉnh giảm và bổ sung tăng dự toán chi đầu tư vốn ngân sách huyện các công trình năm 2023 số tiền 1.489.147 triệu đồng, cụ thể:

Lý do điều chỉnh giảm: Đã thực hiện xong, vướng công tác giải phóng mặt bằng và hết nhiệm vụ chi của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Bổ sung tăng dự toán đầu tư thực hiện Dự án Đường giao thông nội thôn Quý Tân, xã Ia Trok: 1.150 triệu đồng; Dự án Hệ thống điện chiếu sáng công lộ đường Trần Hưng Đạo nối dài khu Trung tâm huyện Ia Pa: 339,147 triệu đồng.

(Chi tiết nội dung, công trình theo Biểu số 02 gửi kèm)

4. Xử lý hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2023 từ nguồn tiết kiệm chi ở các lĩnh vực chi thường xuyên tại mục 1 phần II trên theo Điểm a, Khoản 3 Điều 52 Luật ngân sách, số tiền: 2.000 triệu đồng.

Lý do xử lý hụt thu: Căn cứ tình hình số thu ngân sách huyện, ngân sách cấp huyện đến thời điểm ngày 23/10/2023 và dự kiến số thu đến hết ngày 31/12/2023, dự kiến sẽ hụt thu cân đối ngân sách cấp huyện số tiền: 2.103 triệu đồng

(Chi tiết nội dung theo Biểu số 03 gửi kèm)

Cụ thể hụt thu ở các khoản thu sau:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.186 triệu đồng (Dự toán giao đầu năm 4.654 triệu đồng, dự kiến thực hiện năm 2023 là 3.468 triệu đồng). Lý do: Doanh nghiệp hoạt động lổ, kinh doanh không hiệu quả.

- Lệ phí trước bạ 551 triệu đồng (Dự toán giao đầu năm 3.118 triệu đồng, dự kiến thực hiện năm 2023 là 2.567 triệu đồng). Lý do: Trên địa bàn huyện hoạt động mua bán bất động sản ít, nên nguồn thu giảm.

- Thu khác và thu phạt (Gồm: Thu tịch thu; thu hồi các khoản chi năm trước; thu tiền cho thuê, bán tài sản khác; thu khác còn lại): 520 triệu đồng (Dự toán giao đầu năm 840 triệu đồng, dự kiến thực hiện năm 2023 là 320 triệu đồng).

Do đó, để đảm bảo cân đối ngân sách năm 2023 đúng theo quy định, UBND huyện trình Thường trực HĐND huyện thống nhất phương án xử lý hụt thu cân đối ngân sách năm 2023 từ nguồn tiết kiệm chi ở các lĩnh vực chi thường xuyên của các đơn vị tại mục 1 trên, với số tiền xử lý hụt thu: 2.000 triệu đồng.

Nội dung trên đã được Thường trực HĐND huyện thống nhất tại Công văn số 192/HĐND-VP ngày 08/11/2023.

Trên đây là Báo cáo các nội dung UBND huyện đã trình Thường trực HĐND huyện giữa hai kỳ họp theo Luật Ngân sách. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện xem xét./.

Nơi nhận:

- HĐND huyện;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban kinh tế HĐND huyện;
- Phòng TC-KH huyện,
- Lưu VT.



Huỳnh Văn Trường

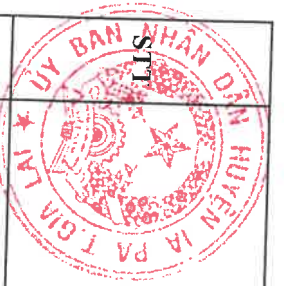
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NĂM 2023 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Báo cáo số 183/BC-HBND ngày 11/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa)

Biểu số 01

Đơn vị: 1.000 đồng.

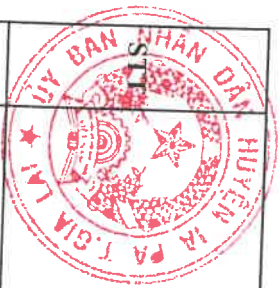
STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
TỔNG CỘNG					
1	Điều chỉnh các đơn vị dự toán cấp huyện, UBND các xã	3.536.838	1.536.838	2.000.000	
1	Văn Phòng Huyện ủy	814.597	628.873	185.724	
-	Tăng quỹ lương đầu năm do tăng biên chế có mặt	-	158.401		
-	Kinh phí sửa chữa xe ô tô biên kiểm soát 8JB-4567		64.481		
-	Kinh phí tham gia Hội thi tuyên truyền viên giỏi về An toàn giao thông năm 2023 (Ban Tuyên giáo)		80.000		
-	Kinh phí năm 2023 (Ban Tuyên giáo)		13.920		
2	Văn Phòng UBND-HBND huyện	549.543	41.391	185.724	
-	Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp từ 3/2023 theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP		41.391		
-	Giảm kinh phí sửa chữa Công trình: Trụ sở UBND-UBND và Hội trường huyện Ia Pa; Hàng mục: Sửa chữa Trụ sở UBND-UBND huyện Ia Pa, Hội trường huyện và các hạng mục phụ	11.642			
-	Giảm Kinh phí trang bị máy tính bảng cho đại biểu hội đồng (31 cái * 15 tr)	68.355			
-	Giảm kinh phí Gia hạn dịch vụ bảo hành thiết bị hội nghị truyền hình Polycorn	55.270			
-	Điều chỉnh giảm kinh phí hoạt động định mức của UBND theo NQ 89 (đã xong nhiệm vụ chi).	414.276			
3	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	-	4.779	185.724	
-	Tăng quỹ lương đầu năm do bổ nhiệm 2 chức danh lãnh đạo		4.779		



	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hực thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
4	Phòng Tư Pháp				
-	Chi tiền lương, các khoản theo lương biên chế				
5	Phòng Văn hóa và Thông tin	46.980			
-	Giảm chi hoạt động theo định mức do thực hiện giảm trừ dự toán năm sau qua thẩm định quyết toán	46.980			
6	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	22.350	25.275		
-	Bổ sung kinh phí tăng biên chế		25.275		
-	Dự toán chi một số mô hình theo kết quả đề án đánh giá thích nghi đất đai của huyện và thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 3-7-2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai về bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XV) về phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040	22.350			
7	Trung tâm Văn hóa TT&TT		113.385		
-	Kinh phí tiền lương Hợp đồng ND 111/2022/NĐ-CP		6.625		
-	Kinh phí tham gia thi đấu tại giải Vô địch Bóng chuyền các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai năm 2023		32.300		
-	Kinh phí tham gia Festival văn hóa công nghệ tỉnh Gia Lai		74.460		
8	Phòng Nội vụ	10.000	10.000		



STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
-	Giảm nhiệm vụ tập huấn Luật Thi đua, khen thưởng	10.000			
-	Bổ sung tăng kinh phí tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND huyện với thanh niên		10.000		
8	Xã Ia Trôk		39.000		
-	Kinh phí nâng lương thường xuyên của CB,CC				
-	Kinh phí hoạt động của Tở tự quản an toàn giao thông năm 2022, 2023 còn thiếu		39.000		
9	Xã Chư Mố		96.381		
-	Kinh phí chế độ, chính sách trợ cấp một lần đối với Công an viên theo Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ		65.385		
-	Kinh phí chế độ, chính sách trợ cấp thời việc công chức theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ		30.996		
10	Phòng Lao động TB&XH		1.582		
-	Bổ sung nâng lương lên chuyên viên chính		1.582		
11	Công an huyện		20.400		
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTOQ năm 2023		20.400		
12	Nhiệm vụ cấp huyện		118.279		



Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hực thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
- Các nhiệm vụ phát sinh hai tháng cuối năm tại thời điểm điều chỉnh chưa có cơ sở phân bổ (Trong đó: Trư cấp thời việc cho cán bộ, công chức, công an viên cấp xã; hệ thống 1 cửa điện tử; hệ thống thiết bị Tabnms)		118.279		
II Điều chỉnh các đơn vị sự nghiệp giáo dục				
1 Trường MG Măng Non	907.965	907.965	1.814.276	-
- Kinh phí tăng, giảm ký lại Hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		4.483		
2 Trường MG Vành Khuyên	-	103.774		
- Kinh phí tăng, giảm biên chế do điều động, luân chuyển công tác, nghỉ thai sản, tăng biên chế mới		82.219		
- Hỗ trợ kinh phí điều chuyển tài sản khu trường chính thôn Plei Apa Ama H'Lim về điểm trường mới xây dựng ở thôn Plei Apa Oi H'Tông		21.555		
3 Trường MN Tuổi Thơ	606.489	-		
- Kinh phí giảm do từ tuất, tạm giam. Bổ sung kinh phí thu hút do bị thu hồi khi Thanh tra, giám phụ cấp lâu năm đã bỏ sung đầu năm, ứng kinh phí hợp đồng thay giáo viên nghỉ hưu, từ tuất		606.489		
4 Trường MG Hòa Mỹ	301.476	-	65.033	
- Tăng phụ cấp chức vụ do tăng hạng trường, tăng, giảm kinh phí ký lại Hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, tăng chi khác của 01 lớp tăng thêm và kinh phí tăng biên chế. Tăng, giảm kinh phí quỹ lương đầu năm	301.476		65.033	
5 Trường MG Hoa Hồng	-	9.161		



STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
-	Bổ sung phụ cấp thu hút bị thu hồi sau Thanh tra		9.161		
6	Trưởng TH Lê Hồng Phong			139.672	
-	Kinh phí tăng, giảm biên chế do nghỉ hưu, Tăng hệ số lương			139.672	
7	Trưởng TH Lý Tự Trọng			421.162	
-	Kinh phí giảm biên chế do nghỉ hưu			421.162	
8	Trưởng TH&THCS Kpả Long			421.162	
-	Kinh phí tăng, giảm kinh phí do nghỉ sinh, tăng hệ số lương theo quy định đầu năm chưa bố trí			35.542	
9	Trưởng TH&THCS Nay Der		66.032	-	
-	Kinh phí tăng biên chế		66.032	-	
10	Trưởng TH&THCS Quang Trung		113.636	-	
-	Kinh phí tăng, giảm biên chế, tăng, giảm kinh phí ký lại Hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		113.636	-	
11	Trưởng TH&THCS Phạm Hồng Thái		-	210.498	
-	Kinh phí tăng, giảm biên chế do tăng biên chế mới; tăng, giảm kinh phí ký lại Hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-	210.498	
12	Trưởng TH&THCS Hai Bà Trưng		-	35.773	
-	Kinh phí tăng, giảm biên chế do chết; tăng thêm biên chế thiếu được giao so với đầu năm; tăng, giảm kinh phí ký lại Hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-	35.773	



Nội dung

Điều chỉnh giảm

Bổ sung tăng

Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2023

Ghi chú

13	TRƯỜNG TH&THCS ĐÌNH NÚP		93.282	-	
-	Tăng quỹ lương đầu năm do điều động		93.282		
14	TRƯỜNG MẦU GIÁO SƠN CA		293.595	-	
-	Tăng quỹ lương đầu năm do tăng biên chế có mặt, truy lĩnh kinh phí thu hút do thu hồi qua thanh tra		293.595		
15	TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÂM		53.363	-	
-	Tăng quỹ lương đầu năm do điều động và giảm biên chế		53.363		
16	TRƯỜNG TH LÝ THƯỜNG KIỆT		-	133.997	
-	Giảm kinh phí biên chế có mặt		-	133.997	
17	TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH		95.227	-	
-	Tăng biên chế so với đầu năm		95.227		
18	TRƯỜNG TH VÕ THỊ SÁU		-	422.778	
-	Giảm quỹ lương đầu năm do giảm biên chế có mặt, giảm thu hút do rút kinh nghiệm qua thanh tra		-	422.778	
19	TRƯỜNG MG HOA PƠ LANG		-	9.787	
-	Giảm quỹ lương giao đầu năm do giảm biên chế có mặt		-	9.787	
20	TRƯỜNG THCS NGUYỄN KHUYẾN		31.093	-	
-	Tăng biên chế so với đầu năm		31.093		
21	TRƯỜNG THCS DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN IA PA		-	52.120	



Nội dung	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Các khoản chi thường xuyên hết nhiệm vụ chi giảm dự toán để bù đắp xử lý hực thu ngân sách cấp huyện năm 2023	Ghi chú
-			52.120	
22	TRƯỜNG MẪU GIÁO SAO MAI		274.302	
-	Giảm kinh phí giao đầu năm do giảm biên chế		274.302	
23	TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU		13.612	
-	Giảm quỹ lương đầu năm do giảm biên chế		13.612	
24	TRƯỜNG TH LÊ QUÝ ĐÔN		44.319	
-	Quỹ lương tăng do tăng biên chế có mặt	44.319		



BVT: ưu tiên đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Dự toán được giao	Phức hiện đến ngày 24/10/2023	Tức thực hiện đến 31/12/2023	Dự toán còn lại	Số điều chỉnh tăng, giảm dự toán chi đầu tư năm 2023		Chi chú
				Quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	
TÔNG CÔNG												
*	Dự án đã phân bổ vốn đề nghị điều chỉnh giám năm 2023				30.000,000	24.099,000	21.390,494	22.600,853	1.489,147	1.489,147	1.489,147	
A	Vốn ngân sách huyện				30.000,000	24.099,000	21.390,494	22.600,853	1.489,147	1.489,147		
I	Vốn cần đổi trong tiêu chí tính phân cấp				24.450,000	18.540,000	17.242,517	17.242,517	1.297,483	1.297,483		
I.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023				10.000,000	4.190,000	3.995,479	3.995,479	194,521	194,521		
1	Đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sân xuất xã Pờ Tô	Xã Pờ Tô	2022-2023	283/QĐ-UBND ngày 27/11/2021	10.000,000	4.190,000	3.995,479	3.995,479	194,521	194,521		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
I.2	Khởi công mới				14.450,000	14.350,000	13.247,038	13.247,038	1.102,962	1.102,962		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
1	Đường bê tông thôn Bình Tây, xã Chư Răng	Xã Chư Răng	2023	130/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.200,000	1.200,000	1.104,905	1.104,905	95,095	95,095		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
2	Duy tu, cải tạo, sửa chữa đường giao thông thôn Quý Đức, Bôn Chư Ma, xã Ia Trok	Xã Ia Trok	2023	131/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.200,000	1.200,000	1.131,390	1.131,390	68,610	68,610		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
3	Đường ra khu sân xuất thôn Yong Boong II, xã Chư Răng	Xã Chư Răng	2023	132/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.200,000	1.200,000	1.078,140	1.078,140	121,860	121,860		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
4	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2023	133/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	400,000	400,000	383,943	383,943	16,057	16,057		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
5	Trường Tiểu học Lê Văn Tâm, xã Pờ Tô	Xã Pờ Tô	2023	138/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.300,000	1.300,000	1.229,469	1.229,469	70,531	70,531		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
6	Trường Mẫu giáo Sơn Ca, xã Pờ Tô	Xã Pờ Tô	2023	139/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.000,000	1.000,000	941,606	941,606	58,394	58,394		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
7	Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ, xã Ia Tul	Xã Ia Tul	2023	126/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	700,000	700,000	676,349	676,349	23,651	23,651		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
8	Trường THCS Dân tộc Nội trú xã Ia Mron	Xã Ia Mron	2023	127/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	300,000	300,000	286,192	286,192	13,808	13,808		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
9	Trường Mẫu giáo 1/6, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2023	137/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	500,000	500,000	489,531	489,531	10,469	10,469		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu
10	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên, xã Chư Mố	Xã Chư Mố	2023	128/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	3.100,000	3.000,000	2.948,097	2.948,097	51,903	51,903		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư		Dự toán được giao	Thực hiện đến ngày 24/10/2023	Ước thực hiện đến 31/12/2023	Dự toán còn lại	Số điều chỉnh tăng, giảm dự toán chi đầu tư năm 2023		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT					Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng		
11	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ thôn Quý Tân, Bôn Tổng Sè đi hết thôn Kơ Nta, xã Ia Trok	Xã Ia Trok	2023	143/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	950,000	950,000	922,987	922,987	27,013	27,013		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
12	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ thôn Ma Rin 2 đi thôn H'Li 1 và H'Li 2, xã Ia Mron	Xã Ia Mron	2023	140/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	650,000	650,000	637,257	637,257	12,743	12,743		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
13	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ thôn Bình Hòa, xã Chư Răng	Xã Chư Răng	2023	142/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	700,000	700,000	678,751	678,751	21,249	21,249		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
14	Sửa chữa, cải tạo đường cấp phối và nung vôi nước tuyến đường ra khu sản xuất thôn Bình Hòa (Đoạn từ đất nhà ông Dăm đến đất nhà ông Mươn)	Xã Chư Răng	2023	129/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	550,000	550,000	49,873	49,873	500,127	500,127		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
15	Xây dựng tuyến đường ống dẫn nước hệ thống nước sạch Ayun hạ vào hệ thống nước sạch xã Ia Mron	Xã Ia Mron	2023	141/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	700,000	700,000	688,548	688,548	11,452	11,452		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất				2.400	2.400	2.277,603	2.277,603	122,397	122,397			
1	Nhà làm việc Xã đội xã Pờ Tô	Xã Pờ Tô	2023	136/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	700	700	665,894	665,894	34,106	34,106		Hết nhiệm vụ chi	
2	Nhà làm việc Công an xã Chư Răng	Xã Chư Răng	2023	134/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	900	900	851,394	851,394	48,606	48,606		Hết nhiệm vụ chi	
3	Nhà làm việc Công an xã Pờ Tô	Xã Pờ Tô	2023	135/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	800	800	760,315	760,315	39,685	39,685		Hết nhiệm vụ chi	
III	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi				1.350,000	1.350,000	1.298,155	1.298,155	51,845	51,845			
1	Công liên hợp trả đường liên xã Ia Kdam đi xã Ia Tul	Xã Chư Mố	2023	25/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	500,000	500,000	486,781	486,781	13,219	13,219		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
2	Trường Tiểu học và THCS Phạm Hồng Thái, xã Ia Tul	Xã Ia Tul	2023	24/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	850,000	850,000	811,374	811,374	38,626	38,626		Hết nhiệm vụ chi, còn lại do tiết kiệm qua đầu thầu	
IV	Nguồn kết dự ngân sách năm 2022				1.800	1.800	572,219	1.782,578	17,422	17,422			
1	Trụ sở UBND xã Ia Tul	Xã Ia Tul	2023	77/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.100	1.100	348,815	1.089,468	10,532	10,532		Hết nhiệm vụ chi	
2	Trường TH Lê Quý Đôn	Xã Ia Mron	2023	78/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	700	700	223,404	693,110	6,890	6,890		Hết nhiệm vụ chi	
*	Dự án bổ sung kế hoạch vốn 2023				1.550,000	1.489,147	-	-	-	-		Hết nhiệm vụ chi	
1	Đường giao thông nội thôn Quý Tân, xã Ia Trok	Xã Ia Trok	2023-2024	Số 63/NQ-HBND ngày 15/7/2022	1.200,000	1.150,000					1.150,000		
2	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ đường Trần Hưng Đạo nội dải khu Trung tâm huyện Ia Pa	Trung tâm huyện	2023	Số 63/NQ-HBND ngày 15/7/2022	350,000	339,147					339,147		

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THUỐC HIỆN THU NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 499/BC-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa)

Biên số 03

ĐVT: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao						Thực hiện đến 23/10/2023						Dự kiến thực hiện đến 31/12/2023						Số tuyệt đối (Dự kiến thực hiện so với DT)					
		Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				
A	Tổng thu NSNN	21.309	4.038	13.077	4.194	18.464	5.867	6.904	5.693	21.564	6.354	7.724	7.486	255	369	(5.404)	3.289								
1	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	2.000	2.000			32	32	-	-	50	50	-	-	(1.950)	(1.950)	-	-								
-	Thuế thu nhập DN	2.000	2.000			-	-	-	-	-	-	-	-	(2.000)	(2.000)	-	-								
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					32	32	-	-	50	50	-	-	50	50	-	-								
-	Các khoản thu từ thuế từ DN					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-								
2	Thu từ khu vực ngoài quốc gia	50	50			2.051	1.997	51	3	2.280	2.200	65	15	2.230	203	14	12								
-	Thuế giá trị gia tăng					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-								
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	50	50			1.992	1.979	11	2	2.199	2.169	20	10	2.149	2.119	20	10								
-	Thuế tài nguyên					42	2	39	1	65	15	45	5	65	15	45	5								
-	Thu khác, phạt và tịch thu của thuế					17	17	0	-	17	17	0		17	17	0									
3	Thu từ khu vực ngoài quốc gia	5.200	-	4.654	546	3.986	177	2.936	874	4.900	177	3.468	1.255	(300)	177	(1.186)	799								
-	Thuế giá trị gia tăng					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-								
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.770		4.248	522	3.125	177	2.099	850	3.945	177	2.538	1.230	(825)	177	(1.710)	708								
-	Thuế tài nguyên	400		400	-	222	-	222	-	250	-	250	-	(150)	-	(150)	-								
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15		6	9	635	-	616	19	700	-	680	20	685	-	674	11								
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15		-	15	5	-	0	5	5	-	0	5	(10)	-	0	(10)								
3.1	Doanh nghiệp	-				-				-				-			-								
-	Thuế giá trị gia tăng	80		80		-				-				(80)		(80)	-								
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.900		3.900		-				1.718		1.718		(2.182)		(2.182)	-								
-	Thuế tài nguyên	400		400		-				250		250		(150)		(150)	-								
-	Thu khác, phạt và tịch thu của	-		-		-				680		680		680		680	-								
3.2	Hộ cá thể, cá nhân	-		-		-				-		-		-		-	-								
-	Thuế giá trị gia tăng	-		-		-				-		-		-		-	-								
-	Thuế tài nguyên	870		348	522	-				2.050		820	1.230	1.180	-	472	708								
-	Thu khác	15		6	9	-				20		20		5		(6)	11								
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15		-	15	-				-		-		(15)		-	(15)								
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.500		500	2.000	2.156	(153)	511	1.799	2.598	(153)	511	2.240	98	(153)	11	240								
-	Từ hộ KD	-		-		-				-		-		-		-	-								
-	Từ chuyên nhượng bất động sản	-		-		-				-		-		-		-	-								



STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao				Thực hiện đến 23/10/2023				Dự kiến thực hiện đến 31/12/2023				Số tuyệt đối (Dự kiến thực hiện so với DT)			
		Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cộng	TW, Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10		4	6	4	-	4	0	5		5	0	(5)	-	1	(6)
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	40			40	63	35	28	-	65	35	28	2	25	35	28	(38)
7	Lệ phí trước bạ	4.000	-	3.118	882	2.848	79	2.423	346	3.500	79	2.567	854	(500)	79	(551)	(28)
	Lệ phí trước bạ xe	2.898				2.180	79	2.101		2.244	79	2.165		(654)	79	(733)	-
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.102		220	882	668		322	346	1.256		402	854	154		182	(28)
8	Thu tiền sử dụng đất	4.179	418	3.761		1.886	189	340	1.358	2.000	200	360	1.440	(2.179)	(218)	(3.401)	1.440
9	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	200		200		558	-	262	296	634		300	334	434	-	100	334
	Tỉnh quyết	-				-				-				-			
	Huyện	-				-				-				-			
10	Phí và lệ phí	900	600		300	879	526	93	260	1.075	610	100	365	175	10	100	65
	TW	600	600			359	359			410	410			(190)	(190)		
	Tỉnh					168	168			200	200			200	200		
	Huyện					93		93		100		100		100			
	Xã	300			300	260			260	365			365	65			
11	Thu phạt an toàn giao thông	900	870	-	30	1.746	1.740	-	7	1.851	1.821	-	30	951	951	-	-
	Công an huyện thu (TW hưởng)	870	870			1.740	1.740			1.821	1.821			951	951		
	Cơ quan nhà nước cấp xã thu (Xã hưởng)	30			30	7			7	30			30	-			
12	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế sử lý (TW hưởng)	100	100			61	61			134	134			34	34		-
13	Thu khác và thu phạt (Bảo gồm cả thu HILCS)	1.230			840	2.071	1.100	220	751	2.471	1.200	320	951	1.241	1.200	(520)	561
14	Thu tiền cấp quyền khai thác K.sản					122	85	36	-	122	85	36	-	122	85	36	-
a	Giấy phép do Trung ương cấp																
b	Giấy phép do UBND tỉnh cấp					122	85	36	-	122	85	36	-	122	85	36	-
B	Trong đó: Thu NSNN (loại trừ tiền SDD, tiền thuê đất)	16.930	3.620	9.116	4.194	16.020	5.679	6.302	4.039	18.930	6.154	7.064	5.712	2.000	587	(2.103)	1.515